

*

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 7 năm 2022

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TCLLCT-HC HỆ TT KHÓA K1 TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG
Khối kiến thức I: Những vấn đề cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng
Hồ Chí Minh; Tình hình nhiệm vụ địa phương

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
1	Hoàng Thị Bích	24/11/1988	1	27	7,5	Bảy rưỡi	
2	Trần Thanh Cầu	04/12/1988	2	33	7,5	Bảy rưỡi	
3	Hoàng Thị Chinh	09/10/1987	3	35	8,0	Tám	
4	Ma Thanh Chúc	11/10/1990	4	34	8,0	Tám	
5	Nguyễn Thị Kim Cúc	02/9/1987	5	26	8,0	Tám	
6	Nguyễn Mạnh Dũng	07/10/1982	6	30	7,5	Bảy rưỡi	
7	Vũ Đình Đạt	22/05/1992	7	40	7,5	Bảy rưỡi	
8	Lý Văn Doanh	17/10/1989	8	45	7,0	Bảy	
9	Nguyễn Trọng Đồng	17/3/1987	9	39	7,5	Bảy rưỡi	
10	Hoàng Anh Đức	23/7/1987	10	29	7,0	Bảy	
11	Vũ Minh Đức	10/4/1989	11	36	7,5	Bảy rưỡi	
12	Dương Bích Hạnh	06/9/1978	12	19	7,0	Bảy	
13	Phan Trung Hiếu	12/11/1983	13	03	7,0	Bảy	
14	Hoàng Thị Hòa	06/09/1972	14	08	7,0	Bảy	
15	Trần Quốc Hoàng	10/09/1990	15	22	7,5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Văn Hội	16/10/1985	16	17	7,0	Bảy	
17	Đồng Việt Huân	20/7/1992	17	20	7,5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
18	Lê Duy Hùng	20/8/1987	18	41	7,0	Bảy	
19	Cao Thị Thu Hương	19/8/1974	19	23	7,5	Bảy rưỡi	
20	Ma Hải Huy	08/04/1987	20	42	7,0	Bảy	
21	Trần Thị Thu Huyền	14/4/1989	21	43	8,0	Tám	
22	Nguyễn Thị Thu Huyền	17/10/1990	22	16	7,5	Bảy rưỡi	
23	Đỗ Cảnh Lâm	27/11/1977	23	18	7,0	Bảy	
24	Nguyễn Tú Linh	14/5/1996	24	14	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thành Luân	09/01/1989	25	25	7,5	Bảy rưỡi	
26	Lưu Thị Lương	20/3/1983	26	06	7,5	Bảy rưỡi	
27	Dương Thế Lượng	20/8/1994	27	37	7,0	Bảy	
28	Ma Tuyết Mai	25/11/1987	28	21	7,5	Bảy rưỡi	
29	Nguyễn Văn Mạnh	27/4/1992	29	11	7,5	Bảy rưỡi	
30	Hoàng Văn Nam	03/9/1988	30	44	7,5	Bảy rưỡi	
31	Hầu Văn Ngọc	08/7/1992	31	15	7,0	Bảy	
32	Lăng Thị Nguyệt	26/11/1989	32	31	7,0	Bảy	
33	Trương Mạnh Quyết	08/01/1989	33	32	7,5	Bảy rưỡi	
34	Trần Thị Quỳnh	05/9/1982	34	28	7,0	Bảy	
35	Ngô Thị Quỳnh	27/7/1989	35	13	7,5	Bảy rưỡi	
36	Bùi Thị Ngọc Thái	19/12/1986	36	01	7,5	Bảy rưỡi	
37	Trịnh Xuân Thắng	17/10/1983	37	38	7,5	Bảy rưỡi	
38	Trần Thị Thanh	29/8/1979	38	05	7,5	Bảy rưỡi	
39	Lương Thanh Thúy	27/10/1978	39	04	7,0	Bảy	
40	Nông Quốc Toàn	04/11/1990	40	24	7,0	Bảy	
41	Nguyễn Quỳnh Trang	08/7/1992	41	02	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
42	Đỗ Thu Trang	14/6/1984	42	09	7,5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Thu Trang	03/11/1989	43	46	7,0	Bảy	
44	Vũ Thị Thu Trang	07/10/1991	44	07	8,0	Tám	
45	Bàng Thị Minh Tú	30/6/1995	45	12	8,0	Tám	
46	Dương Văn Tuấn	17/10/1990	46	10	7,5	Bảy rưỡi	

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Hồng Mây

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Thu Huyền

